

BÁO CÁO

Tình hình hoạt động ngành Công Thương 6 tháng đầu năm, phương hướng triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2021

I. Đặc điểm tình hình:

Trong 6 tháng đầu năm 2021, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên diễn ra trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, gây nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, thương mại, dịch vụ... Tuy nhiên, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cùng với sự đoàn kết, thống nhất, chung sức, đồng lòng và nỗ lực phấn đấu của các cấp, ngành, sự đồng thuận của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ kép “vừa đẩy mạnh công tác phòng, chống, giảm thiểu tác động của dịch Covid-19, vừa tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh” nên việc triển khai các Nghị quyết của Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND và Kế hoạch của UBND tỉnh về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 đạt được kết quả nhất định.

Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm 2021 ước đạt 361.657,8 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ, bằng 43% KH năm; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 21.345 tỷ đồng, tăng 16,3%, bằng 48,4% KH năm; giá trị xuất khẩu ước đạt 13,4 tỷ USD, tăng 13,5%, bằng 47,7% KH năm.

II. Tình hình hoạt động ngành Công Thương 6 tháng đầu năm 2021

1. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2021

- **Giá trị sản xuất công nghiệp (GTSXCN):** Tổng GTSXCN trên địa bàn (giá so sánh 2010): 840.822 tỷ đồng, tăng 7,3% so với ước thực hiện năm 2020. Trong đó:

- + Công nghiệp Trung ương đạt 24.620 tỷ đồng, tăng 5%;
- + Công nghiệp địa phương đạt 35.950 tỷ đồng, tăng 8%;
- + Công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 780.252 tỷ đồng, tăng 7,3%.

- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng** (giá hiện hành): 44.023 tỷ đồng, tăng 10% so với ước thực hiện năm 2020.

- **Kim ngạch xuất khẩu:** 28.157 triệu USD (Tr.USD), tăng 5,5% so với ước thực hiện năm 2020. Trong đó, xuất khẩu địa phương đạt 525 Tr.USD, tăng 9%.

2. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chủ yếu 6 tháng năm 2021

2.1. Giá trị sản xuất công nghiệp

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021: GTSXCN trên địa bàn ước đạt 361.657,8 tỷ đồng, tăng 8,7% so với cùng kỳ, bằng 43% KH năm. Trong đó: GTSXCN trung ương ước đạt 12.846,8 tỷ đồng, tăng 17,7%, bằng 52,2% KH năm; công nghiệp địa phương ước đạt 15.443 tỷ đồng, tăng 18,5%, bằng 43% KH năm; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 333.368 tỷ đồng, tăng 7,9%, bằng 42,7% KH năm.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tăng so với cùng kỳ: Điện thoại thông minh đạt 47,5 triệu sản phẩm (Tr.SP), tăng 18,9%, bằng 42,6% KH năm (*trong đó: Điện thoại có giá dưới 3 triệu đạt 22,3 Tr.SP, tăng 37,3%; điện thoại có giá từ 6 triệu trở lên đạt 11,3 Tr.SP, tăng 6,8%; điện thoại có giá từ 3 đến dưới 6 triệu đạt 13,9 Tr.SP, tăng 5,9%*); thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa đạt 745,6 Tr.SP, tăng 15,2%; phụ tùng khác của xe có động cơ đạt 30,1 Tr.SP, tăng 13,6%; tai nghe khác đạt 24,3 Tr.SP, tăng 12,5%, bằng 52,8% KH năm; sắt thép các loại đạt 883,8 nghìn tấn, tăng 12,3%, bằng 57,8% KH năm; sản phẩm may đạt 39 Tr.SP, tăng 12,3%, bằng 52,6% KH năm; Camera truyền hình đạt 31,2 Tr.SP, tăng 10,6%, bằng 48,7% KH năm; điện thương phẩm đạt 2,5 tỷ Kwh, tăng 9,8%, bằng 46,4% KH năm; đồng tinh quặng (Cu>20%) đạt 24,8 nghìn tấn, tăng 9,7%; Vonfram và sản phẩm của Vonfram đạt 7,8 nghìn tấn, tăng 6,8%, bằng 51,6% KH năm; gạch xây dựng bằng gốm, sứ đạt 32,4 Tr.SP, tăng 5,5%, bằng 16,4% KH năm; nước máy thương phẩm đạt 14,5 triệu m³, tăng 3,9%; xi măng đạt 1,4 triệu tấn, tăng 2,3%, bằng 48,5% KH năm; than sạch khai thác đạt 738,1 nghìn tấn, tăng 1,9%, bằng 52,3% KH năm; mạch điện tử tích hợp đạt 46,8 Tr.SP, tăng 1,2%, bằng 33,2% KH năm.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu giảm so với cùng kỳ: Điện sản xuất đạt 840,1 Tr.Kwh, giảm 1,1%; đá khai thác đạt 1,9 triệu m³, giảm 19,2%; máy tính bảng đạt 5,2 Tr.SP, giảm 35,7%, bằng 27% KH năm; quặng sắt và tinh sắt chưa nung đạt 442,2 nghìn tấn, giảm 39,9%...

2.2. Kinh doanh thương mại, dịch vụ, chỉ số giá tiêu dùng

Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 21.345 tỷ đồng, tăng 16,3% so với cùng kỳ, bằng 48,4% KH năm. Trong đó, khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 1.069 tỷ đồng, tăng 13%; khu vực kinh tế ngoài nhà nước ước đạt 20.238,2 tỷ đồng, tăng 16,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 37,7 tỷ đồng, giảm 6%.

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân 6 tháng đầu năm tăng 0,6% so với bình quân cùng kỳ năm 2020.

2.3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu

- Xuất khẩu: Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng giá trị xuất khẩu trên địa bàn tỉnh ước đạt 13,4 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ, bằng 47,7% KH năm. Trong đó, xuất khẩu trung ương ước đạt 5,7 Tr.USD, tăng 8,5%; xuất khẩu địa phương ước đạt 238,7 Tr.USD, tăng 9,5%, bằng 45,5% KH năm; xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 13,2 tỷ USD, tăng 13,6%.

Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ: Giấy và các sản phẩm từ giấy đạt 1,9 Tr.USD, tăng 21,4%, bằng 55,4% KH năm; sản phẩm từ sắt thép đạt 15,1 Tr.USD, tăng 20,5%, bằng 18,2% KH năm; chè các loại đạt 1,2 Tr.USD, tăng 14,4%, bằng 77,8% KH năm; nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử khác đạt 12,8 tỷ USD, tăng 13,9%, bằng 46,5% KH năm (*trong đó: Sản phẩm điện tử, linh kiện phụ tùng đạt 7,6 tỷ USD, tăng 73,1%, bằng 65% KH năm; máy tính bảng đạt 1,4 tỷ USD, giảm 3,7%; điện thoại thông minh đạt 3,8 tỷ USD, giảm 29,4*); sản phẩm may đạt 191,4 Tr.USD, tăng 9,7%, bằng 58% KH năm; kim loại màu và tinh quặng kim loại màu đạt 103,3 Tr.USD, tăng 5,9%, bằng 51,7% KH năm; phụ tùng vận tải đạt 2,8 Tr.USD, giảm 2,8%.

Nhập khẩu: Tính chung 6 tháng đầu năm 2021, tổng giá trị hàng hóa nhập khẩu trên địa bàn ước đạt hơn 8 tỷ USD, tăng 13,9% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 151,6 Tr.USD, tăng 18,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 7,8 tỷ USD, tăng 13,8% (*chiếm 98,1% cơ cấu tổng giá trị nhập khẩu trên địa bàn tỉnh*).

Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu 6 tháng đầu năm 2021 so với cùng kỳ: Giấy các loại đạt 3,7 Tr.USD, tăng 37,4%; nguyên, phụ liệu dệt may đạt 30,9 Tr.USD, tăng 22,7%; vải các loại đạt 79,1 Tr.USD, tăng 21,2%; sản phẩm từ sắt thép đạt 16,3 Tr.USD, tăng 19,3%; nguyên liệu và linh kiện điện tử đạt 7,5 tỷ USD, tăng 13,5%; máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt 45,5 Tr.USD, tăng 12,9%; chất dẻo (plastic) nguyên liệu đạt 38,8 Tr.USD, tăng 1,7%; nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc đạt 15,4 Tr.USD, tăng 0,1%.

3. Các hoạt động quản lý nhà nước

Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra thực hiện các Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại, điện lực và Quy hoạch các loại khoáng sản... triển khai thực hiện các chương trình, đề án, dự án của ngành năm 2021.

Tham mưu trình UBND tỉnh ban hành: Chỉ thị và các Kế hoạch thực hiện các hoạt động phục vụ Tết Nguyên đán Tân Sửu năm 2021; Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025; điều chỉnh, bổ sung quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; thành lập các cụm công nghiệp: Lương Sơn, thành phố Sông Công, Tân Phú 1 và Tân Phú 2, thị xã Phổ Yên, Yên Lạc, huyện Phú Lương, Quang Sơn 1, huyện Đồng Hỷ; Đề án giải pháp giảm sản xuất, sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, túi nilông khó phân

hủy ngành Công Thương; Kế hoạch diễn tập sự cố hóa chất tỉnh Thái Nguyên năm 2021; Kế hoạch thực hiện Chương trình quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2030; Quy chế phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên...

Báo cáo: Tổng kết, đánh giá thi hành Luật Hóa chất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tình hình quản lý và hoạt động vật liệu nổ công nghiệp; tổng kết thực tiễn thi hành Luật Điện lực năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Điện lực giai đoạn 2005-2020; tổng kết thực tiễn thi hành Nghị định số 134/2013/NĐ-CP ngày 17/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực điện lực, an toàn đập thủy điện, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; thực hiện Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 07/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường tiết kiệm điện giai đoạn 2020-2025; kết quả 10 năm thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW 21/10/2011 của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với vấn đề an toàn thực phẩm trong tình hình mới; kết quả triển khai Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 26/5/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tình hình thực hiện Quyết định số 942/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển thị trường xuất khẩu gạo của Việt Nam giai đoạn 2017-2020, định hướng đến năm 2030; việc chấp hành pháp luật trong kinh doanh xăng dầu; công tác nội chính; phòng, chống tham nhũng và cải cách tư pháp; công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tình hình triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 thuộc lĩnh vực ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên...

Xây dựng Chương trình công tác ngành Công Thương Thái Nguyên năm 2021; kế hoạch cải cách hành chính năm 2021; rà soát danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của Sở Công Thương còn hiệu lực; triển khai công tác kiểm tra, hậu kiểm về an toàn thực phẩm ngành Công Thương; phát động đợt thi đua đặc biệt lập thành tích chào mừng Kỷ niệm 70 năm Ngày truyền thống ngành Công Thương Việt Nam; thực hiện Đề án tuyên truyền về phòng chống tham nhũng năm 2021; đăng ký nhu cầu sử dụng đất các công trình, dự án thực hiện trong thời kỳ 2021-2030; hướng dẫn chuyển đổi mô hình tổ chức kinh doanh, khai thác và quản lý chợ xã Phú Cường, huyện Đại Từ; tiếp nhận và hướng dẫn lập hồ sơ thành lập các cụm công nghiệp; thu thập, phân tích, cung cấp tài liệu lĩnh vực ngành và làm việc với đơn vị tư vấn lập Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 07/CT-BCT ngày 12/5/2021 của Bộ Công Thương về thực hiện các giải pháp

bảo đảm cân đối cung cầu, bình ổn thị trường; chống các hành vi đầu cơ, găm hàng và vi phạm pháp luật trong hoạt động thương mại trong tình hình dịch Covid-19 đang diễn biến phức tạp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại các cụm công nghiệp, các đơn vị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch Covid-19 thuộc lĩnh vực ngành; thực hiện Đề án Phát triển thị trường năng lượng cạnh tranh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; xây dựng phương án điều chỉnh tuyến một số hạng mục cáp ngầm, đường dây trên không trên vỉa hè QL37, đường đô thị thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công; xây dựng đề án thương mại điện tử quốc gia năm 2022; tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng năm 2021;...

Tham gia góp ý: Các dự thảo Nghị định, Thông tư hướng dẫn, chương trình, quy hoạch, đề án... thẩm tra các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh.

Hoạt động khuyến công và tư vấn phát triển công nghiệp: Xây dựng và triển khai 03 đề án khuyến công quốc gia; 21 đề án khuyến công địa phương. Hoàn thiện hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi dự án xây dựng hạ tầng và báo cáo đánh giá tác động môi trường cụm công nghiệp Hà Thượng, huyện Đại Từ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; triển khai hoạt động tư vấn thiết kế cơ sở hạng mục cấp điện, thiết kế, thẩm tra bản vẽ thi công hạng mục điện...

Lĩnh vực xúc tiến thương mại: Xây dựng kế hoạch và thực hiện công tác chuẩn bị tổ chức “Chương trình đưa hàng Việt về nông thôn, miền núi năm 2021”; tổ chức Khu trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông sản tiêu biểu tỉnh Thái Nguyên tại Trung tâm Thương mại GO! Thái Nguyên; xây dựng Đề án xúc tiến thương mại năm 2021; thực hiện chuyên mục “Công Thương Thái Nguyên sát cánh đồng hành cùng doanh nghiệp”; xây dựng đề án “Hệ thống, tổ chức hội chợ trực tuyến thực tế ảo tỉnh Thái Nguyên”; đồng hành, hỗ trợ các đơn vị, doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn trong việc kết nối tiêu thụ sản phẩm trước tình hình dịch bệnh Covid-19...

Kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Sở Công Thương trong 6 tháng đầu năm 2021: Giải quyết được 6.443 thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Cụ thể các lĩnh vực: Lưu thông hàng hoá trong nước 54 hồ sơ; vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ 27 hồ sơ; điện 7 hồ sơ; an toàn thực phẩm: 04 hồ sơ; quản lý cạnh tranh 03 hồ sơ; kinh doanh khí 02 hồ sơ; thương mại quốc tế 02 hồ sơ; hoá chất 1 hồ sơ; xúc tiến thương mại: 6.349 hồ sơ.

Thực hiện Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2021, trong 6 tháng đầu năm, Thanh tra Sở đã tổ chức 04 cuộc kiểm tra đối với 24 tổ chức; thanh tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao tại Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát

triển công nghiệp. Kết quả kiểm tra đã lập 01 biên bản vi phạm hành chính, ban hành 01 quyết định xử phạt vi phạm hành chính, số tiền xử phạt: 40.000.000đ.

Duy trì, phát triển: Trang Website, Bản tin Kinh tế Công Thương, Sàn giao dịch thương mại điện tử tỉnh Thái Nguyên, website chèn và truy xuất nguồn gốc hỗ trợ doanh nghiệp mã QR code; dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4; công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo theo quy định.

III. Nhiệm vụ, giải pháp những tháng còn lại của năm 2021

- Tổ chức quản lý có hiệu quả và hướng dẫn thực hiện đúng các quan điểm, định hướng, chương trình, đề án, kế hoạch của ngành đã xây dựng; đồng thời, tham mưu, đề xuất các hợp phần quy hoạch thuộc lĩnh vực ngành để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thường xuyên rà soát, đề xuất điều chỉnh, xây dựng mới các chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu, cụm công nghiệp; phát triển công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu; huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng hạ tầng thương mại, điện nông thôn miền núi; hỗ trợ sản xuất hàng xuất khẩu...

- Tiếp tục cải cách hành chính, đảm bảo công khai và giải quyết nhanh gọn các thủ tục liên quan đến cấp phép cho các nhà đầu tư... duy trì và làm tốt công việc ở bộ phận một cửa liên thông, Trung tâm phục vụ hành chính công của tỉnh; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thống nhất vì sự phát triển chung.

- Tăng cường đối thoại giữa cơ quan Nhà nước và doanh nghiệp để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, nhất là các dự án công trình quan trọng của ngành.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến công, xúc tiến thương mại góp phần khuyến khích, hỗ trợ đầu tư và phát triển sản xuất (đặc biệt là các ngành nghề mới, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, sản xuất các sản phẩm mũi nhọn có tiềm năng, lợi thế của tỉnh).

- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về thị trường, giá cả, chất lượng hàng hoá và vệ sinh an toàn thực phẩm... kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm quy định của pháp luật.

- Tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn về: Nâng cao trình độ các cán bộ quản lý ngành và cơ sở, kinh tế thị trường, an toàn môi trường công nghiệp, đào tạo nghề, công tác bảo hộ lao động... theo chức năng nhiệm vụ của ngành cũng như mục tiêu điều chỉnh cơ cấu lao động theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nội Ngành... Chủ trì hoặc phối hợp tổ chức các đoàn thanh, kiểm tra; tiếp nhận, giải quyết và trả lời các đơn thư khiếu nại về lĩnh vực Công Thương.

IV. Đề xuất, kiến nghị

1. Với UBND tỉnh Thái Nguyên

- Quan tâm, chỉ đạo triển khai kịp thời các đề xuất thuộc lĩnh vực Ngành.
- Chỉ đạo các Sở, ban, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố, thị xã: Phối hợp tham gia Ban Chỉ đạo và xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 – 2025; triển khai xây dựng dự thảo Kế hoạch phát triển thương mại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025 và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt, ban hành; tạo điều kiện thuận lợi trong thu hút cũng như đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án thuộc lĩnh vực công nghiệp, thương mại trên địa bàn tỉnh (đặc biệt trong hỗ trợ giải phóng mặt bằng các Cụm CN để mời gọi các dự án).

2. Với Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương

- Ưu tiên nguồn vốn cho các dự án công thương lớn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; tiếp tục hỗ trợ nguồn kinh phí khuyến công, xúc tiến thương mại, đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp; xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại (chợ nông thôn, chợ đầu mối và mô hình chợ thí điểm bảo đảm an toàn thực phẩm...), hạ tầng điện, Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả năm 2021...

- Tiếp tục giúp tỉnh Thái Nguyên thu hút đầu tư, giới thiệu các Tập đoàn kinh tế lớn trong và ngoài nước đầu tư các dự án, công trình công nghiệp, thương mại, hạ tầng kỹ thuật công thương...

- Quan tâm, tạo điều kiện ủy quyền cho Sở Công Thương tỉnh Thái Nguyên được cấp các Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) (theo đề nghị tại Văn bản số 1788/UBND-CNN&XD ngày 28/4/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên).

- Đôn đốc, đẩy nhanh tiến độ một số dự án, công trình lớn đang đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tổng hợp báo cáo 6 tháng đầu năm 2021, nhiệm vụ giải pháp những tháng còn lại năm 2021 của ngành Công Thương Thái Nguyên./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND, UBND tỉnh (b/c);
- Bộ Công Thương (b/c);
- Cục CNĐP; Vụ Kế hoạch BCT (b/c);
- Lãnh đạo Sở;
- TT.XTTM (đăng website);
- Lưu: VT, P.KHTCTH.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bá Chính

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SCT ngày /5/2021)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021		Thực hiện 6 tháng năm 2021 (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	I	2	3	4=3/1	5=3/2
I	Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010)	Tỷ.đ	332.854	840.822	361.657,8	108,7	43
1	<i>Phân theo loại hình kinh tế</i>						
	- Đại phương	Tỷ.đ	13.033,8	35.950	15.443	118,5	43
	- Trung ương	Tỷ.đ	10.918,6	24.620	12.846,8	117,7	52,2
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài		308.901,7	780.252	333.368,1	107,9	42,7
II	Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp						
1	Than sạch khai thác	nghìn tấn	724,4	1.410	738,1	101,9	52,3
2	Quặng sắt và tinh sắt chưa nung	nghìn tấn	735,7		442,2	60,1	
3	Đá khai thác	nghìn m ³	2.372,3		1.915,9	80,8	
4	Sản phẩm may	Tr.SP	34,7	74	39	112,3	52,6
5	Gạch xây dựng bằng gốm, sứ	Tr.SP	30,7	198	32,4	105,5	16,4
6	Xi măng	nghìn tấn	1.388,7	2.930	1.420,2	102,3	48,5
7	Sắt thép các loại	nghìn tấn	786,9	1.530	883,8	112,3	57,8
8	Đồng tinh quặng (Cu>20%)	nghìn tấn	22,6		24,8	109,7	
9	Vonfram và sản phẩm của Vonfram	nghìn tấn	7,3	15,2	7,8	106,8	51,6
10	Máy tính bảng	Tr.SP	8,1	19,2	5,2	64,3	27
11	Điện thoại thông minh	Tr.SP	40	111,5	47,5	118,9	42,6

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021		Thực hiện 6 tháng năm 2021 (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
12	Mạch điện tử tích hợp	Tr.SP	46,2	141	46,8	101,2	33,2
13	Camera truyền hình	Tr.SP	28,2	64	31,2	110,6	48,7
14	Tai nghe khác	Tr.SP	21,6	46	24,3	112,5	52,8
15	Phụ tùng khác của xe có động cơ	Tr.SP	26,5		30,1	113,6	
16	Thiết bị và dụng cụ khác trong y khoa	Tr.SP	647		745,6	115,2	
17	Điện sản xuất	Tr.Kwh	849,8		840,1	98,9	
18	Điện thương phẩm	Tr.Kwh	2.263,9	5.355	2.486,4	109,8	46,4
19	Nước máy thương phẩm	nghìn m ³	13.977		14.526,4	103,9	
III	Tổng mức lẻ hàng hóa và DTDV	Tỷ.đồng	18.353,1	44.023	21.345	116,3	48,5
IV	Xuất khẩu						
1	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Tr.USD	11.828,9	28.157	13.427,2	113,5	47,7
2	Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu						
2.1	Sản phẩm may	Tr.USD	174,5	330	191,4	109,7	58
2.2	Chè các loại	Tr.USD	1	1,5	1,2	114,4	77,8
2.3	Giấy và các sản phẩm từ giấy	Tr.USD	1,6	3,4	1,9	121,4	55,4
2.4	Nhóm điện thoại, máy tính bảng và điện tử	Tr.USD	11.220,7	27.500	12.780,8	113,9	46,5
	- Điện thoại thông minh	Tr.USD	5.439	15.800	3.837,4	70,6	32,7
	- Máy tính bảng	Tr.USD	1.388,6		1.336,7	96,3	

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2021		Thực hiện 6 tháng năm 2021 (%)	
			Thực hiện 6 tháng	Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	So với cùng kỳ	So với KH
A	B	C	1	2	3	4=3/1	5=3/2
	- Sản phẩm điện tử khác và phụ tùng	Tr.USD	4.393,1	11.700	7.606,7	173,1	65
2.5	Sản phẩm từ sắt thép		12,6	83	15,1	120,5	18,2
2.6	Phụ tùng vận tải	Tr.USD	2,8		2,8	97,2	
2.7	Kim loại màu và tinh quặng KL màu	Tr.USD	97,5	200	103,3	105,9	51,7
V	Nhập khẩu						
1	Tổng kim ngạch nhập khẩu	Tr.USD	7.048		8.029,2	113,9	
1.1	Khu vực kinh tế trong nước	Tr.USD	128,2		151,6	118,2	
1.2	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tr.USD	6.919,8		7.877,6	113,8	
2	Sản phẩm nhập khẩu chủ yếu						
2.1	Nguyên liệu và linh kiện điện tử	Tr.USD	6.625,8		7.518,0	113,5	
2.2	Máy móc TB, dụng cụ phụ tùng	Tr.USD	40,3		45,5	112,9	
2.3	Vải các loại	Tr.USD	65,3		79,1	121,2	
2.4	Nguyên, phụ liệu dệt may	Tr.USD	25,2		30,9	122,7	
2.5	Sản phẩm từ sắt thép	Tr.USD	13,7		16,3	119,3	
2.6	Nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc	Tr.USD	15,3		15,4	100,1	
2.7	Giấy các loại	Tr.USD	2,7		3,7	137,4	
2.8	Chất dẻo (plastic) nguyên liệu	Tr.USD	38,2		38,8	101,7	